

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH E**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2019/HSST**

Ngày: 24 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Việt Hùng;

+ Bà Mai Thị Kim Thanh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2019/TLST-HS ngày 20/8/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-HS ngày 12/9/2019, đối với các bị cáo:

1/ **A** (tự Phi), sinh năm 1978 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Tổ 6, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: không biết chữ; giới tính: Nam; dân tộc: B; tôn giáo: Hồi giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chàm Sa Mal và bà Ang Thị Sá; có vợ là Thị Xa Ki Nách và 02 người con: người con lớn nhất sinh năm 2003, người con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Không có; tiền sự: có 01 tiền sự, vào ngày 02/8/2018 bị Công an huyện D, tỉnh E ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 99/QĐ-XPVPHC xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (chưa nộp phạt); Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn Tuấn F**, sinh năm 1988 tại tỉnh E; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Tổ 3, ấp 2, xã C, huyện D, tỉnh E; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Minh và bà Nguyễn Thị Mộng Hằng; có vợ là Lê Thị Hồng Loan và 01 người con sinh năm 2013; tiền án: Không có; tiền sự: có 01 tiền sự: Vào ngày 07/02/2018 bị Công an xã C, huyện D, tỉnh E ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28/QĐ-XPVPHC xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã nộp phạt vào ngày 02/4/2018); Bị cáo

đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tuấn F và A đều đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” nhưng vào khoảng 11 giờ ngày 27/01/2019, F điện thoại cho A hỏi có gà không để rủ đá thắng thua bằng tiền. Sau khi nghe điện thoại của F thì A hỏi bạn là Du Hốt, sinh năm 1995, ngụ ấp B, xã C có gà để đá không; Du Hốt cho biết là có 01 con gà đá trọng lượng 1,5 ký nên A điện thoại lại cho F là đồng ý đá sỏ với số tiền 500.000 đồng và “hốt cốt” tức là bên nào thắng là lấy luôn con gà của bên thua và được F đồng ý.

Sau khi thống nhất A về nhà lấy thêm 01 con gà đá; 01 cây cân đồng hồ; 04 cuộn băng keo để phục vụ cho việc làm trọng tài và điện thoại cho em ruột là A Phi Y, sinh năm 1980, ngụ ấp B, xã C đem theo 01 con gà nữa để đá. Sau đó A và F cùng các đối tượng khác hẹn gặp nhau tại vườn cao su của bà Sáu My thuộc ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E.

Đến khoảng 12 giờ 50 phút cùng ngày tại vườn cao su bà Sáu My, F mang theo 01 con gà và cấp đá với gà của Du Hốt với số tiền 500.000 đồng và “Hốt cốt”. F bỏ ra 100.000 đồng; Lê Văn Thanh, sinh năm 1987, ngụ ấp 6, xã C bỏ ra 400.000 đồng; Du Hốt bỏ ra 200.000 đồng; A Phi Y bỏ ra 150.000 đồng; Chàm Na Sít, sinh năm 1985; Mus Tách, sinh năm 1983; Chàm Ha Na Phi, sinh năm 1984, cùng ngụ ấp B, xã C mỗi người bỏ ra 50.000 đồng. Lúc này, A làm trọng tài, Thanh và Du Hốt tự băng cựa gà của mình, sau khi đã thỏa thuận xong, chuẩn bị thả gà ra để đá thì bị Công an xã C lập biên bản bắt quả tang thu giữ trong người các đối tượng tổng cộng 1.165.000 đồng và một số tang vật có liên quan. Tổng số tiền những người tham gia đánh bạc xác định được là 1.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra A và Nguyễn Tuấn F khai nhận rõ hành vi phạm tội.

* Kê biên tài sản: Qua xác minh, A và Nguyễn Tuấn F không có tài sản nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên.

* Đối với hành vi đánh bạc của Lê Văn Thanh, Du Hốt, Chàm Ha Na Phi, Mus Tách, Chàm Na Sít và A Phi Y chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên chuyển xử lý vi phạm hành chính là đúng pháp luật.

Bản cáo trạng số 76/CT-VKSTC ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E truy tố các bị cáo A, Nguyễn Tuấn F về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo A, Nguyễn Tuấn F về tội danh, Điều luật như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng về tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn F từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng về tội Đánh bạc.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các vật chứng thu giữ theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo A và bị cáo Nguyễn Tuấn F đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, tỉnh E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A, Nguyễn Tuấn F không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo đã thực hiện: Các bị cáo A, Nguyễn Tuấn F đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng vào ngày 27/01/2019 tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E, A, Nguyễn Tuấn F cùng A Phi Y, Du Hốt, Chàm Na Sít, Mus Táh, Chàm Ha Na Phi, Lê Văn Thanh đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép (đá gà), dưới hình thức được thua bằng tiền. Khi thực hiện hành vi đánh bạc thì bị công an xã C phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật, số tiền dùng vào việc đánh bạc được xác định là 1.000.000 đồng. Do đó hành vi của các bị cáo A, Nguyễn Tuấn F đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi đánh bạc của Lê Văn Thanh, Du Hốt, Chàm Ha Na Phi, Mus Táh, Chàm Na Sít và A Phi Y do chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên chuyển xử lý vi phạm hành chính là đúng pháp luật.

[3] Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo A, Nguyễn Tuấn F là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn công cộng tại địa phương nên cần phải có mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các yếu tố về nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân không tốt, đều đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo A, Nguyễn Tuấn F thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần

đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết các giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét thấy các bị cáo A, Nguyễn Tuấn F đều là dân lao động, chỉ nhất thời phạm tội, hành vi vi phạm pháp luật thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho hưởng chung mức hình phạt tù cho hưởng án treo cũng thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, không ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của địa phương.

Do các bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định nên miễn phạt bổ sung cho các bị cáo A và Nguyễn Tuấn F.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng thu giữ gồm 06 con gà đá các loại và 06 giỏ đệm, trong quá trình điều tra đã tiêu hủy nên không đặt ra giải quyết.

- Đối với vật chứng thu giữ bao gồm 01 cân đồng hồ; 04 cuộn băng keo vải đã qua sử dụng; 02 cặp cựa gà bằng kim loại. Đây là các công cụ các bị cáo sử dụng phục vụ khi thực hiện hành vi đánh bạc nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại **khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự**.

- Đối với vật chứng là xe mô tô biển số 70K1-072.19, đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tuấn F, không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật nên căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự hoàn trả lại cho bị cáo F nhưng tiếp tục tạm giữ tại Cơ quan chi cục thi hành án huyện D, tỉnh E để đảm bảo thi hành án.

- Đối với vật chứng là số tiền Việt Nam 205.000 (hai trăm lẻ năm nghìn) đồng thu trên người bị cáo Nguyễn Tuấn F, do bị cáo F chỉ sử dụng 100.000 (một trăm nghìn) đồng vào việc đánh bạc nên căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước đối với số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng và hoàn trả cho bị cáo F 105.000 (một trăm lẻ năm nghìn) đồng nhưng tiếp tục tạm giữ tại Cơ quan chi cục thi hành án huyện D, tỉnh E để đảm bảo thi hành án.

- Đối với vật chứng là số tiền Việt Nam 500.000 (năm trăm nghìn) đồng thu trên người bị cáo A, do bị cáo A không sử dụng số tiền này vào việc đánh bạc nên căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự hoàn trả cho bị cáo A 500.000 (năm trăm nghìn) đồng nhưng tiếp tục tạm giữ tại Cơ quan chi cục thi hành án huyện D, tỉnh E để đảm bảo thi hành án.

- Đối với vật chứng là số tiền Việt Nam 100.000 (một trăm nghìn) đồng thu trên người anh Chàm Ha Na Phi, số tiền Việt Nam 100.000 (một trăm nghìn) đồng thu trên người anh Lê Văn Thanh, số tiền Việt Nam 100.000 (một trăm nghìn) đồng thu trên người anh A Phi Y, số tiền Việt Nam 50.000 (năm mươi nghìn) đồng thu trên người của anh Chàm Mus Ta'h và số tiền Việt Nam 50.000 (năm mươi nghìn) đồng thu trên người của anh Chàm Na Sít, đây là số tiền dùng vào việc đánh bạc nên căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước đối với số tiền trên.

- Đối với xe mô tô không biển số, không có giấy chứng nhận đăng ký xe, số máy 1202580; xe mô tô không biển số, số khung và số máy bị bào mòn, không

chứng nhận đăng ký xe; xe mô tô không biển số, không có giấy chứng nhận đăng ký xe, số máy 6201905; xe mô tô mang biển số, 63V6-1010, không có giấy chứng nhận đăng ký xe; xe mô tô mang biển số, 70F2-2215, không có giấy chứng nhận đăng ký xe. Tất cả 05 xe mô tô trên là xe không rõ nguồn gốc, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo truy tìm nhưng chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên chuyển Công an huyện D xử lý theo thẩm quyền là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Vật chứng đang được tạm giữ tại Cơ quan Chi cục thi hành án huyện D, tỉnh E theo biên bản giao nhận ngày 01/10/2019.

[6] Về án phí: Các bị cáo A, Nguyễn Tuấn F phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo A (tự Phi) 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo A (tự Phi) cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh E giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo A (tự Phi) có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo A (tự Phi) trong thời gian thử thách, trường hợp bị cáo A (tự Phi) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo A (tự Phi) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo A (tự Phi) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn F 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn F cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh E giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Tuấn F có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Tuấn F trong thời gian thử thách, trường hợp bị cáo Nguyễn Tuấn F thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Tuấn F cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Tuấn F phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự

- Tịch thu và tiêu hủy các vật chứng gồm 01 cân đồng hồ; 04 cuộn băng keo vải đã qua sử dụng; 02 cặp cựa gà bằng kim loại.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước của bị cáo F đối với số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng trong tổng số 205.000 (hai trăm lẻ năm nghìn) đồng thu giữ của bị cáo F và hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Tuấn F số tiền 105.000 (một trăm lẻ

năm nghìn) đồng và 01 xe mô tô biển số 70K1-072.19 nhưng tiếp tục tạm giữ tại Cơ quan chỉ cục thi hành án huyện D, tỉnh E để đảm bảo thi hành án.

- Hoàn trả cho bị cáo A số tiền Việt nam 500.000 (năm trăm nghìn) đồng nhưng tiếp tục tạm giữ tại Cơ quan chỉ cục thi hành án huyện D, tỉnh E để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng thu giữ của anh Chàm Ha Na Phi.

- Tịch thu sung vào Công quỹ Nhà nước đối với số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng thu giữ của anh Lê Văn Thanh.

- Tịch thu sung vào Công quỹ Nhà nước đối với số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng thu giữ của anh A Phi Y.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước đối với số tiền 50.000 (năm mươi nghìn) đồng thu giữ của anh Chàm Na Sít.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước đối với số tiền 50.000 (năm mươi nghìn) đồng thu giữ của anh Chàm Mus Táh.

Vật chứng đang được tạm giữ tại Cơ quan Chỉ cục thi hành án huyện D, tỉnh E theo biên bản giao nhận ngày 01/10/2019.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo A, Nguyễn Tuấn F, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho bị cáo A, Nguyễn Tuấn F biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh E trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- THA phạt tù;
- Phòng PV06-Công an E;
- Đội điều tra CA huyện D;
- Sở Tư pháp tỉnh E;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Phú Sang